

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng quản trị kinh Ngành : Quản trị kinh doanh Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 4
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Quy hoạch tuyến tính Học Kỳ : 2 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3372040005	Trần Bảo	Các	01/04/1990	1	0					0.50	0.15	0.00	0.00	0	
2	3372040011	Nguyễn Văn	Cương	23/09/1991	6	7					6.50	1.95	9.00	6.30	8	
3	3372040014	Phạm Văn	Dũng	13/03/1990	5	6					5.50	1.65	3.00	2.10	4	Học lại
4	3372040017	Lý Cảnh	Dương	28/04/1990	5	7					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
5	3372040018	Nguyễn Lê Thành	Đạt	26/04/1990	9	8					8.50	2.55	10.00	7.00	10	
6	3372040022	Nguyễn Việt	Đức	23/11/1991	2						2.00	0.60	2.00	1.40	2	Học lại
7	3372040026	Hà Hồng	Hạnh	06/01/1990	4	7					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
8	3372040031	Tạ Thanh	Hải	20/05/1990	3	2					2.50	0.75	7.00	4.90	6	
9	3372040032	Nguyễn Thị Thu	Hiên	05/03/1991	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
10	3372040042	Bùi Huy	Hoàng	10/12/1990	3	4					3.50	1.05	3.00	2.10	3	
11	3372040043	Hà Minh	Hoàng	22/03/1991	6	7					6.50	1.95	10.00	7.00	9	
12	3372040046	Nguyễn Thành	Huy	03/05/1991	2	5					3.50	1.05	2.00	1.40	2	
13	3372040048	Bùi Minh	Huyền	09/09/1991	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
14	3372040050	Nguyễn Gia	Hưởng	12/03/1990	3						3.00	0.90	1.00	0.70	2	Học lại
15	3372040054	Đinh Quốc	Khương	06/02/1990	3	3					3.00	0.90	5.00	3.50	4	
16	3372040056	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	10/10/1990	9	9					9.00	2.70	9.00	6.30	9	
17	3372040058	Bùi Minh	Lành	22/05/1991	0	2					1.00	0.30	0.00	0.00	0	
18	3372040059	Lữ Thị Hồng	Lê	18/05/1990	5	5					5.00	1.50	7.00	4.90	6	
19	3372040063	Trần Thị Kiều	Linh	19/08/1991	7	7					7.00	2.10	10.00	7.00	9	
20	3372040067	Nguyễn Thị Kim	Ly	10/05/1990	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
21	3372040068	K	Mều	15/10/1989	5	5					5.00	1.50	6.00	4.20	6	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3372040073	Trần Ngọc Bảo	Ngân	24/02/1991	6	6					6.00	1.80	7.00	4.90	7	
23	3372040076	Đặng Hoàng Trọng	Nghĩa	21/12/1991	2	4					3.00	0.90	2.00	1.40	2	
24	3372040077	Trần Tư	Nghĩa	13/10/1991	3	5					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
25	3372040078	Võ Thị	Nghĩa	06/05/1991	8	5					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
26	3372040080	Trần Thị Tuyết	Nhi	06/07/1991	9	6					7.50	2.25	10.00	7.00	9	
27	3372040082	Vương Văn	Phát	08/11/1990	9						9.00	2.70	5.00	3.50	6	Học lại
28	3372040084	Lê Thị Trúc	Phượng	18/07/1991	9	7					8.00	2.40	9.00	6.30	9	
29	3372040085	Đặng Quang	Quân	18/11/1991	7	6					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
30	3372040090	Đỗ Thị	Sang	06/04/1991	4	8					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
31	3372040094	Lê Thị Tuyết	Sương	10/10/1991	8	7					7.50	2.25	8.00	5.60	8	
32	3372040097	Bùi Thị Hoài	Thanh	17/02/1991	9	8					8.50	2.55	6.00	4.20	7	
33	3372040098	Dương Văn	Thanh	26/11/1991	6	5					5.50	1.65	10.00	7.00	9	
34	3372040100	Ôn Hoàng	Thanh	05/08/1989	9	8					8.50	2.55	10.00	7.00	10	
35	3372040101	Nguyễn Thị	Thắm	15/03/1991	8	8					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
36	3372040102	Trần Quyết	Thắng	06/10/1987	2	5					3.50	1.05	4.00	2.80	4	
37	3372040110	Phạm Thị Hoàng	Thuý	01/06/1991	3	8					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
38	3372040111	Đinh Lưu Thuỷ	Tiên	11/08/1991	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	Học lại
39	3372040112	Nguyễn Phượng	Tiên	15/10/1990	9	7					8.00	2.40	9.00	6.30	9	
40	3372040113	Trần Phú	Toàn	01/02/1991	8	8					8.00	2.40	5.00	3.50	6	
41	3372040120	Hà Lê Minh	Trí	05/10/1991	9	8					8.50	2.55	7.00	4.90	7	
42	3372040123	Trương Đăng	Trung	21/01/1991	5	4					4.50	1.35	7.00	4.90	6	
43	3372040128	Nguyễn Kim	Tùng	10/08/1991	8	10					9.00	2.70	8.00	5.60	8	
44	3372040133	Nguyễn Văn	Tươi	04/03/1991	3	8					5.50	1.65	2.00	1.40	3	
45	3372040134	Ka	Uyên	26/02/1991	8	8					8.00	2.40	6.00	4.20	7	
46	3372040135	Nguyễn Thị	Vân	10/10/1991	8	8					8.00	2.40	10.00	7.00	9	
47	3372040138	Phạm	Vũ	22/01/1991	4	5					4.50	1.35	1.00	0.70	2	
48	3372040139	Phạm Thị	Xuân	01/01/1991	8	7					7.50	2.25	6.00	4.20	6	

Tổng: 48.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	10	20.8
Giỏi	5	10.4
Khá	6	12.5

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	10	20.8
Trung bình	4	8.3
Không đạt	13	27.1
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa